

nhằm bảo đảm cho việc soạn thảo hương ước, quy ước ở làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư được tiến hành một cách thực sự dân chủ, công khai, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cấp xã, với sự tham gia tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân Việt Nam...).

Bộ Tư pháp chủ trì cùng với Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan hữu quan khác chỉ đạo triển khai thí điểm Chỉ thị này tại một số địa phương để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở tổng kết tình hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên phạm vi toàn quốc, Bộ kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các biện pháp, các mô hình mẫu về các hoạt động văn hóa nhằm tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước và phát huy vai trò của các văn bản hương ước, quy ước trong giai đoạn hiện nay.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định cụ thể việc quản lý nhà nước và định hướng nội dung hương ước, quy ước căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội, phong tục tập quán của địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các vấn đề nói trên.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiệm vụ phê duyệt các văn bản hương ước, quy ước do Ủy ban nhân dân cấp xã trình và chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi địa bàn huyện, bảo đảm nội dung hương ước, quy ước phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, các quy tắc xây dựng nếp sống văn hóa mới, duy trì và phát triển phong tục tập quán tốt đẹp ở cơ sở.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ các làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư xây dựng hương ước, quy ước có nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn.

7. Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh việc tuyên truyền về vai trò và tác dụng của việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, các mô hình mẫu về nếp sống văn hóa, gắn với việc tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, phát huy dân chủ ở cơ sở; nêu gương những điển hình tiên tiến, phát hiện và đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, sai trái hoặc lợi dụng hương ước, quy ước để duy trì các hủ tục tập quán lạc hậu.

8. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 108/1998/QĐ-TTg ngày 20-6-1998 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Công văn số 1/UBTP-BXD ngày 6-1-1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu:

Xác định vị trí, vai trò đặc biệt của Thủ đô trong Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam, phù hợp với phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết hợp tốt giữa xây dựng, phát triển với bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải tạo với xây dựng mới, nhằm xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành một thành phố vừa dân tộc, vừa hiện đại, đậm đà bản sắc và truyền thống ngàn năm văn hiến; là trung tâm đầu não về trình độ, đồng thời là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học kỹ thuật, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; tương xứng với Thủ đô của một nước có quy mô dân số một trăm triệu dân, có vị trí xứng đáng trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

2. Phạm vi lập Quy hoạch và định hướng phát triển không gian:

Cơ cấu quy hoạch không gian bao gồm thành phố Hà Nội trung tâm và các đô thị xung quanh thuộc các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hưng Yên với bán kính ảnh hưởng từ 30 đến 50km.

Hướng phát triển lâu dài của thành phố Hà Nội chủ yếu về phía Tây, hình thành chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây (tỉnh Hà Tây); phía Bắc là cụm đô thị Sóc Sơn (thành phố Hà Nội) - Xuân Hòa - Đại Lải - Phúc Yên (tỉnh Vĩnh Phúc) và các đô thị khác nhằm khai

thác lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, giao thông và cơ sở hạ tầng. Trước mắt, hướng mở rộng thành phố Hà Nội trung tâm về phía Tây Bắc, Tây Nam và phía Bắc; trong đó, ưu tiên cho đầu tư phát triển khu vực phía Bắc sông Hồng. Tại đây, hình thành một Hà Nội mới, gồm các khu vực Bắc Thăng Long - Vân Trì, Đông Anh - Cổ Loa, Gia Lâm - Sài Đồng - Yên Viên và tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư phát triển tại khu vực Nam Thăng Long.

3. Quy mô dân số:

Đến năm 2020, dân số đô thị Thủ đô Hà Nội và các đô thị xung quanh trong phạm vi nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch chung khoảng 4,5 đến 5 triệu người, trong đó quy mô dân số nội thành của thành phố Hà Nội trung tâm là 2,5 triệu người và quy mô dân số các đô thị xung quanh khoảng 2 đến 2,5 triệu người.

4. Quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc cảnh quan đô thị:

a) Về chỉ tiêu sử dụng đất:

Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị bình quân là 100m²/người, trong đó phải bảo đảm chỉ tiêu đất giao thông là 25m²/người, chỉ tiêu đất cây xanh, công viên, thể dục thể thao là 18m²/người và chỉ tiêu đất xây dựng các công trình phục vụ lợi ích công cộng là 5m²/người.

b) Về phân khu chức năng:

- Các khu dân cư bao gồm khu hạn chế phát triển, giới hạn từ vành đai 2 (Vĩnh Tuy - Ngã Tư Vọng - Ngã Tư Sở - Cầu Giấy - Nhật Tân) trở vào trung tâm, về lâu dài khống chế quy mô dân số khoảng 0,8 triệu người; các khu phát triển chủ yếu nằm ven đô ngoài vành đai 2, có quy mô dân số ở phía Nam sông Hồng khoảng 0,7 triệu người và ở phía Bắc sông Hồng khoảng 1 triệu người.

- Các khu công nghiệp hiện có được cải tạo, sắp xếp lại phù hợp với quy hoạch xây dựng thành

phố; đồng thời phát triển các khu công nghiệp mới như Sóc Sơn, Bắc Thăng Long, Nam Thăng Long, Sài Đồng A và B, Đông Anh; cải tạo, mở rộng các khu công nghiệp Cầu Diễn, Cầu Bươu, Pháp Vân, Đức Giang. Ngoài ra, trong các khu dân cư có thể bố trí xen kẽ các xí nghiệp nhỏ, sạch, kỹ thuật cao.

Diện tích đất dành để xây dựng các khu công nghiệp khoảng 3.000ha.

- Hệ thống các trung tâm công cộng, bao gồm trung tâm thành phố hiện có như trung tâm hành chính - chính trị quốc gia Ba Đình, trung tâm hành chính - chính trị của thành phố tại khu vực hồ Hoàn Kiếm và các trung tâm thương mại, tài chính, dịch vụ, văn hóa ở Tây Hồ Tây, Nam Thăng Long (Xuân La, Xuân Đình, Nghĩa Đô), Phương Trạch (Nam Vân Trì), Gia Lâm và trung tâm dịch vụ, văn hóa - thể dục thể thao Cổ Loa.

Hỗ trợ cho các trung tâm thành phố nêu trên là hệ thống các trung tâm quận và trung tâm khu vực gắn với các đơn vị ở hoặc khu ở.

- Các trung tâm chuyên ngành gồm:

+ Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp được bố trí tại trung tâm hành chính thành phố, quận, phường. Trụ sở của các công ty, các tổ chức và các cơ quan đại diện nước ngoài được bố trí trên các trục phố chính;

+ Các trường đào tạo tập trung ở các khu vực lớn như đường Giải Phóng, đường Nguyễn Trãi, đường 32, Trâu Quỳ, Mễ Trì và một số nơi khác;

+ Các viện nghiên cứu khoa học tập trung chủ yếu ở các quận nội thành cũ và khu vực Nghĩa Đô, bao gồm các cơ quan, viện nghiên cứu khoa học hiện có và các cơ sở dịch vụ được chỉnh trang, phát triển thành khu đô thị khoa học;

+ Các trung tâm y tế gồm các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa được bố trí tại các khu vực Bạch Mai, Trần Khánh Dư, Tràng Thi, Quán Sứ, Xuân La - Nhật Tân, Vân Trì và một số nơi khác.

Riêng các bệnh viện chuyên khoa đặc biệt sẽ được xây dựng tại các khu vực Gia Lâm, Sóc Sơn và một số vị trí thích hợp;

+ Trung tâm Liên hợp thể dục thể thao Quốc gia và của thành phố được bố trí tại Mỹ Đình (huyện Từ Liêm). Các trung tâm thể dục thể thao khác được bố trí đồng đều trong thành phố như Hàng Đẫy, Quán Ngựa, Nhôn, Vân Trì, Cổ Loa, Triều Khúc v.v...;

+ Cải tạo, nâng cấp các công viên, vườn hoa, cây xanh hiện có, kết hợp phát triển các công viên cây xanh ở khu vực hồ Yên Sở, Linh Đàm, Triều Khúc, Mễ Trì, sông Nhuệ, Phú Thượng, Vân Trì, Cổ Loa, Gia Lâm, Sài Đồng v.v... Hình thành các dải cây xanh đặc dụng phòng hộ, cách ly, sinh thái cảnh quan ở ven các sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu, sông Hồng, sông Nhuệ, sông Cà Lồ, sông Đuống và dọc các hành lang kỹ thuật hạ tầng.

Tại vùng ven đô, hình thành vành đai xanh rộng từ 1 đến 4km, tạo thành bộ khung bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái thành phố.

- Các cơ sở quốc phòng, an ninh hiện có và xây dựng mới được quy hoạch sắp xếp hợp lý, bảo đảm việc xây dựng, quản lý sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật về đất đai.

c) Về kiến trúc và cảnh quan đô thị:

- Trong các khu phố hiện có: Phải giữ gìn, tôn tạo các di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc có giá trị; xây dựng một số tượng đài anh hùng dân tộc có công lớn với Tổ quốc; cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện ở, làm việc, đi lại, tạo thêm các khu vui chơi giải trí cho nhân dân; bảo tồn khu phố cổ, đồng thời nâng cấp các công trình phục vụ lợi ích công cộng; hạn chế chiều cao của các công trình xây dựng mới ở khu phố cũ và chỉ bố trí các công trình cao tầng ở những vị trí thích hợp;

- Trong các khu phát triển mới: Bao gồm các khu xây dựng mới và các làng xóm xen kẽ được bảo tồn, cải tạo và xây dựng theo hướng hiện đại, mang bản sắc dân tộc, có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, có nhiều vườn hoa, công viên, cây xanh tạo nên môi trường sinh thái của Thủ đô tốt, xanh, sạch, đẹp; chú ý nâng tỷ lệ trung bình tầng cao, khai thác không gian ngầm và trên không, để tiết kiệm đất.

5. Về quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Về quy hoạch giao thông:

- Nguyên tắc chung:

+ Cơ sở hạ tầng giao thông phải được ưu tiên phát triển đồng bộ với các công trình kỹ thuật hạ tầng khác để hình thành cơ cấu quy hoạch thành phố hoàn chỉnh nhằm phục vụ một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh tế - xã hội của Thủ đô;

+ Đất xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, bao gồm cả hệ thống giao thông động và hệ thống giao thông tĩnh, phải đạt tỷ lệ bình quân 25% đất đô thị;

+ Việc phát triển giao thông vận tải của Thủ đô phải lấy phát triển vận tải hành khách công cộng làm khâu trung tâm, bảo đảm tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đến năm 2010 là 30% và đến năm 2020 là 50% số lượng hành khách.

- Về đường bộ:

+ Cải tạo và mở rộng các tuyến quốc lộ hướng vào thành phố: Quốc lộ 1, Quốc lộ 2, Quốc lộ 3, Quốc lộ 5, Quốc lộ 6, Quốc lộ 18 và Quốc lộ 32. Xây dựng hoàn chỉnh đường cao tốc Láng - Hòa Lạc;

+ Hoàn thiện việc xây dựng các tuyến vành đai số 1, số 2, và số 3; đồng thời cần nghiên cứu để chuẩn bị mở vành đai số 4;

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện có

trong thành phố, đặc biệt là việc cải tạo và mở rộng các hành lang giao thông và các nút như: đường Tây Sơn với nút Ngã Tư Sở; đường Lê Duẩn với nút Ngã Tư Vọng; đường La Thành với nút Kim Liên, nút Ô Chợ Dừa, nút Cầu Giấy; đường Trần Quang Khải với nút đầu cầu Chương Dương; đường Bạch Mai, Đại La với nút Ngã Tư Trung Hiền; đường Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê với nút Ngã Tư Bưởi; đường Láng Trung - đường Nguyễn Chí Thanh - Liễu Giai - Hoàng Hoa Thám; đồng thời cải tạo, chỉnh trang mạng lưới tại các khu phố cổ và khu phố cũ.

Bổ sung thêm các tuyến đường ở những khu vực mật độ đường còn thấp.

+ Xây dựng hoàn chỉnh và hiện đại mạng lưới đường kết hợp đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm khác tại các khu phát triển mới.

+ Chú trọng bố trí đồng đều hệ thống các bãi đỗ xe, các điểm đầu, điểm cuối và điểm dừng của mạng lưới xe buýt, bảo đảm cự ly trung bình từ các khu chức năng tới các điểm đỗ và đậu trên các tuyến vận tải công cộng khoảng từ 500 đến 600m. Xây dựng các bến xe liên tỉnh như: Gia Lâm, Giáp Bát, Mai Dịch, Đông Anh v.v....

- Ngoài các cầu Thăng Long và Chương Dương xây dựng lại cầu Long Biên, xây dựng mới cầu Thanh Trì và các cầu khác qua sông Hồng, bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Thủ đô ở cả phía Nam và phía Bắc sông Hồng.

- Về đường sắt:

+ Đối với hệ thống đường sắt quốc gia, giữ nguyên hệ đầu mối đường sắt phía Tây thành phố; xây dựng mới đoạn Văn Điển - Cổ Bi (qua cầu Thanh Trì) sau đó vượt sông Đuống ở trạm bơm Bốt Vàng và đi lên ga Bắc Hồng, tránh khu di tích Cổ Loa.

Hoàn chỉnh hệ thống ga đường sắt, trong đó gồm các ga Phú Diễn, Hà Đông, Việt Hưng, Giáp Bát, Gia Lâm, Yên Viên, Bắc Hồng, Văn Trì, Cổ

Loa; trong đó, các ga Cổ Bi, Yên Viên, Việt Hưng, Bắc Hồng là các ga lập tàu hàng và các ga Giáp Bát, Gia Lâm, Phú Diễn là các ga lập tàu khách;

+ Ưu tiên cho việc xây dựng hệ thống đường sắt đô thị để tạo nên những trục chính của mạng lưới vận tải hành khách công cộng của Thủ đô, bao gồm cả các tuyến đi trên cao và đi ngầm. Trước mắt xây dựng tuyến Văn Điển - Hàng Cỏ - Gia Lâm - Yên Viên; tiếp đó là các tuyến Hà Đông - Ngã Tư Sở - Hàng Cỏ; Hàng Cỏ - Cát Linh - Kim Mã - Thủ Lệ - Nghĩa Đô - Phú Diễn - Minh Khai; Giáp Bát - vành đai 3; cầu Thăng Long - Nội Bài và Kim Mã - Láng Trung - Hòa Lạc.

Cần chú trọng tổ chức và xây dựng các đầu mối trung chuyển hành khách có lưu lượng lớn và hiện đại như ga Hàng Cỏ, Nội Bài.

- Về đường không:

Mở rộng và xây dựng hoàn chỉnh sân bay Nội Bài theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 152-TTg ngày 4-4-1994. Các sân bay Gia Lâm, Bạch Mai, Hòa Lạc là sân bay nội địa. Trong tương lai, xây dựng thêm sân bay Quốc tế tại Miếu Môn (tỉnh Hà Tây).

- Về đường sông:

Tích cực nạo vét, chỉnh trị tiến tới kênh hóa sông Hồng, nâng cấp các cảng Hà Nội (tại Phà Đen), Khuyến Lương, đồng thời mở thêm các cảng Vạn Kiếp, Thượng Cát.

b) Về chuẩn bị kỹ thuật đất đai:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, bao gồm các trạm bơm và mạng lưới cống và kênh tiêu thoát, bảo đảm mật độ 0,6 đến 0,8 km/km²;

- Cải tạo và xây dựng hệ thống hồ điều hòa, kết hợp với việc tạo cảnh quan ven hồ, bảo đảm diện tích hồ bằng 5 đến 7% diện tích lưu vực;

- Gia cố hệ thống đê sông Hồng, đê sông Đáy để ngăn lũ cho khu vực thành phố Hà Nội trung tâm;

- Xây dựng các đường ven sông và hồ trong nội thành, kết hợp với việc xây kè và bó vĩa.

c) Về cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đến năm 2010 là 150-180 lít/người/ngày, với 90-95% dân số đô thị được cấp nước và đến năm 2020 là 180-200 lít/người/ngày, với 95-100% dân số đô thị được cấp nước;

- Khai thác hợp lý các nguồn nước dưới đất, bước đầu khai thác các nguồn nước mặt từ hệ thống sông Hồng, sông Đà, sông Cầu, sông Công.

d) Về cấp điện:

- Xây dựng thêm 3 trạm 220KV ở Đa Phúc, Tây Bắc đầm Vân Trì và Thành Công; đưa công suất các trạm nguồn lên 2.500MVA và xây dựng mới 16 trạm khác;

- Cải thiện và xây dựng các đường dây 220KV, 110KV và 22KV, bảo đảm hiện đại, mỹ quan và sử dụng an toàn.

e) Về thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường:

- Cải tạo, nâng cấp và sử dụng hệ thống cống chung thoát nước bẩn và nước mưa tại các khu vực nội thành cũ và xây dựng hệ thống cống thoát nước bẩn riêng tại các khu vực mới xây dựng;

- Đến năm 2020, bảo đảm 100% khối lượng chất thải rắn của thành phố được thu gom, vận chuyển, xử lý bằng công nghệ thích hợp;

- Cải tạo và xây dựng các nghĩa địa, nghĩa trang tập trung, kết hợp với việc xây dựng nghĩa địa, nghĩa trang nhỏ bố trí phân tán, phù hợp với điều kiện từng địa phương.

6. Quy hoạch xây dựng đợt đầu:

Đến năm 2005, tập trung lập và thực hiện các

chương trình trọng điểm về quản lý và phát triển đô thị, gồm:

- a) Chương trình chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long;
- b) Chương trình đầu tư xây dựng các cơ sở kinh tế - kỹ thuật, tạo động lực phát triển đô thị và giải quyết việc làm cho nhân dân;
- c) Chương trình đầu tư, cải tạo, nâng cấp, phát triển các hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- d) Chương trình đầu tư bảo vệ môi trường, xây dựng bộ khung bảo vệ thiên nhiên, cân bằng sinh thái đô thị;
- e) Chương trình đầu tư và phát triển các khu đô thị mới, xây dựng nhà ở và các khu tái định cư, kết hợp với việc kiểm soát tăng trưởng dân số tại các quận nội thành;
- g) Chương trình nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý đô thị.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2020:

1. Phê chuẩn hồ sơ thiết kế điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng;
2. Tổ chức công bố điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2020 để nhân dân biết, kiểm tra và thực hiện;
3. Lập kế hoạch hàng năm và dài hạn để thực hiện quy hoạch cải tạo và xây dựng Thủ đô;
4. Hoàn chỉnh, nâng cao năng lực cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch thành phố; quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Kiến trúc sư trưởng trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quy hoạch, kiến trúc và quản lý xây dựng theo quy hoạch thành phố và các cấp cơ sở;

5. Tổ chức soạn thảo Điều lệ quản lý kiến trúc và quy hoạch xây dựng Thủ đô trình Thủ tướng Chính phủ ban hành;

6. Tăng tỷ lệ vốn đầu tư để lại cho Thủ đô từ tổng thu ngân sách, nhằm đáp ứng yêu cầu cải tạo và xây dựng Thủ đô;

7. Huy động vốn đầu tư trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức để thực hiện các dự án cải tạo và xây dựng Thủ đô;

8. Hợp tác với các chủ đầu tư, tổ chức tư vấn có uy tín của nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức quốc tế đã phối hợp với Việt Nam trong công tác điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội và đầu tư xây dựng khu đô thị mới phía Bắc sông Hồng và các khu đô thị mới khác trong thời gian qua;

9. Xây dựng các đề án, văn bản pháp quy, bộ máy tổ chức và cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện thí điểm quản lý đầu tư và phát triển các khu đô thị mới, các khu nhà ở v.v... nhằm khai thác tối đa các khả năng để đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh Thủ đô Hà Nội;

10. Hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Tây Hồ Tây và Bắc sông Hồng sau khi có kiến thẩm định của Bộ Xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 3.

1. Thành lập Ban Chỉ đạo quy hoạch và xây dựng Thủ đô Hà Nội do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban; Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội làm Phó Trưởng ban và các ủy viên là lãnh đạo các Bộ, Ban, ngành sau: Quốc phòng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Chính phủ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng cục Địa chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Ban Chỉ đạo phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.

2. Ban Chỉ đạo quy hoạch và xây dựng Thủ đô có bộ máy giúp việc tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và hoạt động theo Quy chế do Trưởng ban quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

BỘ TÀI CHÍNH - ỦY BAN QUỐC GIA DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

THÔNG TƯ liên tịch số 67/1998/TTLT-BTC-UBQGDS ngày 18-5-1998 hướng dẫn công tác quản lý tài chính Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Thực hiện Quyết định số 531-TTg ngày 8-8-1996 và Quyết định số 5/1998/QĐ-TTg ngày 14-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia; để nâng cao hiệu quả sử dụng

kinh phí sự nghiệp của Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình theo mục tiêu, Bộ Tài chính và Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình hướng dẫn công tác quản lý tài chính của Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình là một chương trình quốc gia, bao gồm các mục tiêu:

1.1. Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý (VDS/01).

1.2. Nâng cao hiệu quả dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (VDS/02).

1.3. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục (VDS/03).

2. Kinh phí của Chương trình quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình được hình thành từ các nguồn: vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư cơ bản, vốn sự nghiệp, vốn vay và viện trợ nước ngoài), vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu theo quy định của Nhà nước. Các nguồn kinh phí trên được quản lý và sử dụng theo Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối tượng thực hiện Thông tư này là các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

B. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NHỮNG NỘI DUNG CHI CHUNG CỦA CÁC MỤC TIÊU

- Chi sơ kết, tổng kết.